TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn giữa chị Trương Thị D và anh Nguyễn Mạnh H

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa;

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXX - ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1994;

Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/04/2020, trong quá trình tố tụng và tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn là chị Trương Thị D trình bày:

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 04/5/2019. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường hay ghen tuông vô cớ nên đã đánh chửi, thiếu tôn trọng chị D và gia đình chị D. Hai bên luôn bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh H còn không tin tưởng chị, thường xuyên đuổi chị đi làm cho tinh thần chị bị ảnh hưởng, hoảng sợ. Mặc dù chị và anh H đã tìm mọi biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh H vẫn không sửa chữa, thay đổi bản thân. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tối ngày 30/12/2019, khi vợ chồng xô xát, anh H đã dùng chân đạp thẳng vào người chị. Từ ngày 31/12/2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã H, huyện P , tỉnh Phú Yên sinh sống. Anh chị sống ly thân từ thời gian đó, không quan tâm đến nhau . Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

1.2.Về quan hệ con chung: Chị D và anh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung; không vay nợ chung của cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi Tòa án mở phiên tòa, anh H không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh H cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy, anh H không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 03/7/2020, bà Hoàng Thị P, sinh năm 1952; trú tại thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ anh H) trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị D và anh H đúng như chị D đã trình bày. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H tính tình nóng nảy, chị D tuổi còn trẻ, tính tình bướng bỉnh. Còn cụ thể cuộc sống vợ chồng của anh chị thế nào, mâu thuẫn ra sao bà không biết cụ thể.

Chỉ biết hiện tại vợ chồng không chung sống với nhau nữa.Về con chung: Chị D và anh H không có con chung. Về tài sản: Chị D và anh H không có tài sản chung.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 03/7/2020, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966, trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (là mẹ đẻ của chị D) trình bày:

Về thời gian, quá trình kết hôn, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn giữa chị D và anh H đúng như chị D trình bày. Nay chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D vì anh, chị không có khả năng đoàn tụ.Về con chung: Chị D và anh H không có con chung. Về tài sản: Bà N cũng trình bày như lời trình bày của chị D.

5. Về việc thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H, bà P trình bày: Anh H hiện đi làm ăn xa nhà nên không về Tòa án làm việc được. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh H, bà đã nhận đầy đủ và thông báo ngay cho anh H sau mỗi lần nhận được văn bản của Tòa án. Anh H cũng đã biết việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa anh và chị D nhưng vì công việc bận mải, anh H không về giải quyết được, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình đại diện UBND xã cung cấp như sau: Về quá trình kết hôn giữa chị D và anh H đúng như chị D trình bày. Sau khi kết hôn anh chị không chung sống tại địa phương nên về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm rõ. Chị D từ khi kết hôn với anh H cũng không đi lại với gia đình anh H. Nay chị D xin ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung: Chị D và anh H không có con chung. Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và cũng không vay nợ chung của tổ chức xã hội nào ở địa phương. Anh H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, thỉnh thoảng anh vẫn đi về địa phương và không đăng ký tạm vắng tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều

228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trương Thị D được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

+ Quan hệ con chung: Chị Trương Thị D và anh Nguyễn Mạnh H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

+ Quan hệ tài sản: Do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không thể hiện quan điểm về tài sản nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

+ Án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H, anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, huyện V, tỉnhThái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Nguyên đơn, chị Trương Thị D có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Trương Thị D và anh Nguyễn Mạnh H đăng ký tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 04 tháng 5 năm 2019 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường hay ghen tuông vô cớ dẫn đến đánh chửi, xúc phạm chị D. Mặt khác anh H còn thiếu tôn trọng chị D và gia đình chị D. Hai bên luôn bất đồng quan điểm, không có khả năng hòa hợp. Chị D đã tìm mọi biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vì vậy mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trở nên trầm trọng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị D. Điều này chứng tỏ anh H không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2019, chị D và anh H sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Qua xác minh tại UBND xã N và lấy lời khai của đại diện gia đình anh H cũng thể hiện: Giữa chị D và anh H có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không tìm được biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị D và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị D được ly hôn anh H.

[2.2] Quan hệ con chung: Chị D và anh H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[**2.3**] **Quan hệ tài sản**: Do chưa có lời trình bày của anh H, chị D không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị D và anh H có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 - Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. **Quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Trương Thị D được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

2. **Quan hệ con chung:** Chị Trương Thị D và anh Nguyễn Mạnh H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. **Quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trương Thị D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị D đã nộp tại biên lai số 0003825 ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trương Thị D và anh Nguyễn Mạnh H. Chị Trương Thị D và anh Nguyễn Mạnh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình; (TLKH số 116/2019, quyển số 21 ngày 04/5/2019);
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)